BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CỤC THUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 195/QĐ-TCT	*Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xoá nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh dịch vụ 117

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 15/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ);

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TCT ngày 07 ngày 01 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc phân công lĩnh vực phụ trách của Lãnh đạo Tổng cục Thuế;

Căn cứ đề nghị của Cục Thuế tỉnh Gia Lai tại công văn số 2038/CT-QLN ngày 02 tháng 12 năm 2020 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp còn nợ trước ngày 01/7/2020 đối với Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh dịch vụ 117, mã số thuế: 5900181171, địa chỉ kinh doanh: 138 Lê Duẩn, phường Trà Bá (nay thuộc phường Phù Đổng), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 8.907.504.289 đồng (Tám tỷ, chín trăm linh bảy triệu, năm trăm linh bốn nghìn, hai trăm tám mươi chín đồng), trong đó:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Tiểu mục	Số tiền
1	Tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý	4272	401.302.827

Scanned with CamScanner

2	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân	4917	93.341.376
3	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	4918	280.429.116
4	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên khác còn lại.	4927	71.872.416
5	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại	4931	3.437.046.208
6	Tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý	4944	4.623.512.346
	Tổng cộng		**8.907.504.289**

Lý do xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp: Người nộp thuế thuộc đối tượng được xóa nợ quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh Gia Lai điều chỉnh tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh dịch vụ 117.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Tổng cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai;
- Vụ PC-TCT;
- Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và Cục Thuế tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, QLN (2b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Vũ Xuân Bách

Scanned with CamScanner